

**TỔNG CÔNG TY
BƯU ĐIỆN VIỆT NAM**

MST: 0102595740

Số *1915*/BĐVN-VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *17* tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2016

Tên Doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM
(Kỳ báo cáo: Năm 2016)

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	(gửi kèm)
2	Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	(gửi kèm)
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	(gửi kèm)
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	(gửi kèm)
5	Ý kiến kiểm toán	(gửi kèm)

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT;
- Bộ TTTT;
- HĐTV;
- Ban TGD;
- KSV TCT;
- Công TTĐT TCT;
- Lưu VT, VP.

AIS: *11756*

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN
VIỆT NAM



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Bưu điện Việt Nam”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam, trước đây là Tổng Công ty Nhà nước thành lập theo Quyết định số 16/2007/QĐ-BBCVT ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Bưu chính Viễn thông, đã được chuyển đổi sang hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 928/QĐ-BTTTT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam được chuyển quyền đại diện vốn chủ sở hữu Nhà nước từ Bưu điện Việt Nam Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Thông tin và Truyền thông, đồng thời đổi tên thành Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam theo Quyết định số 2596/QĐ-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Vốn điều lệ: 8.122.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 05 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (04) 3 768 9346
- Fax : (04) 3 768 9433

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 4 năm 2015 là:

- Bưu chính. Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí trong và ngoài nước; thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; cung cấp các dịch vụ công ích khác theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; kinh doanh các dịch vụ bưu chính dành riêng theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Chuyển phát. Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ chuyển phát trong và ngoài nước;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ trên môi trường mạng theo quy định pháp luật;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tài chính, ngân hàng theo quy định của pháp luật, các dịch vụ tài chính bưu chính, bán lẻ trên mạng bưu chính (chỉ hoạt động sau khi có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước cấp);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật (chỉ hoạt động sau khi có giấy phép do Bộ Tài chính cấp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;

- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Mua, bán, đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hóa và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; mua, bán, đại lý mua, đại lý bán các loại thiết bị và dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin, truyền hình; bán quảng cáo cho các tổ chức, cá nhân trên các ấn phẩm của bưu điện, tại các điểm giao dịch của bưu điện; đại lý bán vé máy bay; bán vé tàu hỏa, bán vé xe khách; bán các loại sách, văn phòng phẩm, các loại hàng tiêu dùng theo quy định của pháp luật; xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng và các loại hàng hóa dịch vụ khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình, hạng mục công trình trong lĩnh vực bưu chính viễn thông; nghiên cứu thị trường; xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật; tư vấn, nghiên cứu, đào tạo, dạy nghề và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bưu chính;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: In, sao bản ghi các loại; kinh doanh xuất bản phẩm;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua, bán, sửa chữa xe và vật tư, thiết bị xe, máy;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, quảng cáo;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì. Chi tiết: Sản xuất giấy và các sản phẩm về giấy theo quy định pháp luật;
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện; Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Ngọc Bình	Chủ tịch	Ngày 27 tháng 02 năm 2015
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên	Ngày 27 tháng 02 năm 2015
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 27 tháng 02 năm 2015
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	Ngày 27 tháng 02 năm 2015

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Ông Đinh Như Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 4 năm 2015
Ông Chu Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 4 năm 2015
Bà Chu Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 4 năm 2015
Bà Tạ Thị Mai Anh	Kế toán trưởng	Ngày 04 tháng 4 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2016).

Ông Phạm Anh Tuấn đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Bưu điện Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Bưu điện Việt Nam trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Bưu điện Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Bưu điện Việt Nam sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Bưu điện Việt Nam với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Bưu điện Việt Nam và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

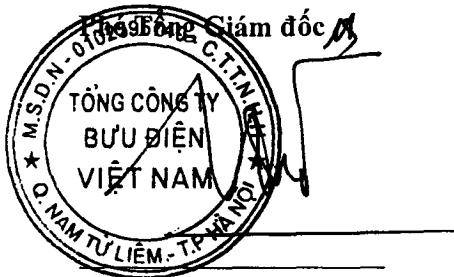
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Bưu điện Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Thừa ủy quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Đức

Ngày 24 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 337/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Bưu điện Việt Nam”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 08 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) ban hành kèm theo Quyết định số 323/QĐ-BĐVN-HĐTV ngày 29/12/2015 của Hội đồng Thành viên được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 18416/BTC-CĐKT ngày 10/12/2015 cùng các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Bưu điện Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

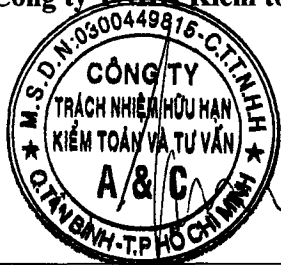
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Bưu điện Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Bưu điện Việt Nam. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) ban hành kèm theo Quyết định số 323/QĐ-BĐVN-HĐTV ngày 29/12/2015 của Hội đồng Thành viên được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 18416/BTC-CDKT ngày 10/12/2015 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.651.578.915.498	8.699.252.965.464
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.858.856.521.021	5.913.581.359.657
1. Tiền	111		10.263.152.143.343	5.480.290.573.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		595.704.377.678	433.290.786.113
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.337.758.644.746	1.712.233.838.893
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.337.758.644.746	1.712.233.838.893
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.216.279.368.720	893.962.225.637
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	750.064.309.396	561.911.225.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	55.095.591.233	54.336.666.997
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	459.502.185.108	327.447.750.581
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(49.298.777.060)	(50.631.430.077)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		916.060.043	898.012.510
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	169.870.492.619	131.753.201.030
1. Hàng tồn kho	141		171.044.621.761	133.229.553.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.174.129.142)	(1.476.352.347)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.813.888.392	47.722.340.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	26.538.674.200	20.719.194.283
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.196.665.762	6.748.126.980
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	27.078.548.430	20.255.018.984
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.422.650.731.986	5.892.255.183.449
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.935.545.699	50.927.271.825
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	18.132.307.579	42.873.051.611
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	5.707.237.807	3.048.214.998
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.096.000.313	5.006.005.216
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.390.604.369.233	2.170.837.492.469
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.177.176.859.900	1.953.458.402.669
<i>Nguyên giá</i>	222		6.032.796.628.292	5.685.044.975.193
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.855.619.768.392)	(3.731.586.572.524)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	213.427.509.333	217.379.089.800
<i>Nguyên giá</i>	228		294.622.090.823	288.688.591.729
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(81.194.581.490)	(71.309.501.929)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	33.336.361.305	34.309.470.843
<i>Nguyên giá</i>	231		67.805.431.639	65.005.914.485
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(34.469.070.334)	(30.696.443.642)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		357.620.214.560	180.725.482.970
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	357.620.214.560	180.725.482.970
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.306.862.573.644	3.280.058.676.270
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	494.455.452.573	482.981.555.199
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	812.407.121.071	813.907.121.071
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	1.983.170.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		306.291.667.545	175.396.789.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	306.291.667.545	175.396.789.072
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.074.229.647.484	14.591.508.148.913

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.549.567.200.419	6.082.645.111.414
I. Nợ ngắn hạn	310		11.431.636.109.419	5.816.429.472.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	905.833.418.124	482.843.238.530
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	194.543.591.141	66.003.722.082
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	34.175.401.594	44.572.696.755
4. Phải trả người lao động	314		663.269.041.101	557.968.425.349
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	239.061.179.126	92.089.291.842
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	19.177.769.985	26.204.924.943
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	9.141.672.726.826	4.332.351.955.520
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	5.326.055.000	780.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		51.750.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		228.525.176.522	213.615.217.378
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		117.931.091.000	266.215.639.015
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	89.172.987.027	242.937.383.638
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		1.265.801.678	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	1.264.640.780	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	22.472.901.515	23.248.995.377
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.750.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.760.000	29.260.000

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.524.662.447.065	8.508.863.037.499
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.524.128.200.546	8.508.328.790.980
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	8.122.000.000.000	8.122.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	173.068.560.096	173.068.560.096
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.20	570.400.000	570.400.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	81.373.293.919	79.624.045.136
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	9.417.256.011	8.232.069.918
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	90.688.447.678	77.785.412.898
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.227.525.675	77.785.412.898
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.460.922.003	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.20	118.150.720	118.150.720
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	46.892.092.122	46.930.152.212
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		534.246.519	534.246.519
1. Nguồn kinh phí	431		517.384.662	517.384.662
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		16.861.857	16.861.857
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.074.229.647.484	14.591.508.148.913

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Anh



TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.029.315.374.381	8.350.458.522.707
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		70.862.354.250	26.623.888.732
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.958.453.020.131	8.323.834.633.975
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.735.658.438.203	7.359.411.069.881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.222.794.581.928	964.423.564.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	383.435.369.091	333.836.885.349
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.905.251.291	4.692.292.646
Trong đó: chi phí lãi vay	23		214.375.311	243.156.687
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.024.209.982	27.841.234.250
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	70.463.800.896	102.899.548.561
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.383.203.980.130	1.144.331.934.426
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		159.681.128.684	74.177.908.060
12. Thu nhập khác	31	VI.7	20.723.645.376	84.257.272.938
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.057.623.701	4.574.995.848
14. Lợi nhuận khác	40		15.666.021.675	79.682.277.090
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		175.347.150.359	153.860.185.150
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	8.037.645.976	20.801.399.072
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		167.309.504.383	133.058.786.078
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		162.213.299.428	124.953.694.114
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.096.204.955	8.105.091.964

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Anh

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2017



TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 05 Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
A. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		175.347.150.359	153.860.185.150
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		228.909.451.286	207.787.762.530
- Các khoản dự phòng	03		(1.583.126.222)	(18.965.798)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.508.600.385)	(4.563.010.853)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(307.139.638.073)	(394.817.213.966)
- Chi phí lãi vay	06		214.375.311	243.156.687
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(24.500.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.215.112.276	(37.508.086.250)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		87.403.424.610	(1.087.599.280.046)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.815.068.384)	(5.487.646.626)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.247.956.203.459	1.772.006.405.269
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(136.714.358.390)	(84.875.297.582)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(214.375.311)	(561.203.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.428.485.797)	(18.211.006.061)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		37.006.926.553	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.751.549.029)	(95.408.531.396)
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	18		1.250.657.829.987	442.355.354.284
B. Dòng tiền từ hoạt động thu hộ, chi hộ (*)				
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tiết kiệm Bưu điện	19.1		15.198.568.768	(11.811.836.207)
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Bưu chính	19.2		(363.949.727.450)	208.506.919.076
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động thu hộ khác	19.3		3.852.416.154.526	991.532.984.188
Dòng tiền thuần từ hoạt động thu hộ, chi hộ	19		3.503.664.995.844	1.188.228.067.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.754.322.825.831	1.630.583.421.341
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(475.577.253.414)	(339.367.940.309)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.895.563.253	79.096.942.365
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.177.158.000.000)	(3.140.215.847.392)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.534.983.194.147	3.401.325.779.639
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.500.000.000	34.712.058.184
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		294.727.253.725	428.242.926.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		186.370.757.711	463.793.918.620

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 05 Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	9.113.000.000	4.932.500.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(816.945.000)	(4.965.900.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.018.787.668)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.722.732.668)	(33.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.937.970.850.874	2.094.343.939.961
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.913.581.359.657	3.810.747.207.567
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.304.310.490	8.490.212.129
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.858.856.521.021	5.913.581.359.657

(*) Phản ánh dòng tiền lũy kế của hoạt động thu hộ, chi hộ giữa Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam với các đối tác về dịch vụ tiết kiệm bưu điện, các dịch vụ tài chính bưu chính, dịch vụ thu hộ, chi hộ cho đối tác, với đặc điểm phát sinh lớn, thời gian luân chuyển ngắn. Dòng tiền này bị hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật.

Người lập biểu

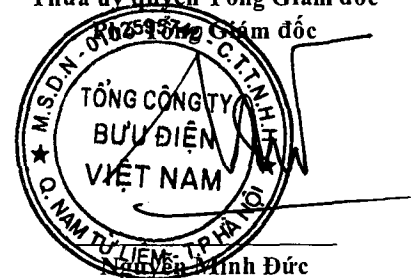


Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Tạ Thị Mai Anh

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2017
Thừa ủy quyền Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Nhà nước do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Cung cấp các dịch vụ công ích khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Kinh doanh các dịch vụ bưu chính dành riêng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí trong và ngoài nước;
- Tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác trong khuôn khổ các Điều ước quốc tế trong lĩnh vực bưu chính mà Việt Nam ký kết, gia nhập theo quy định của pháp luật;
- Đại lý dịch vụ viễn thông, bán lại dịch vụ viễn thông;
- Tư vấn, nghiên cứu, đào tạo, dạy nghề và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bưu chính;
- Kinh doanh các dịch vụ trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh các dịch vụ logistics;
- Mua bán, sửa chữa xe và vật tư, thiết bị xe máy;
- Mua bán, đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hóa và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng và các loại hàng hóa, dịch vụ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật;
- In sao bản ghi các loại; kinh doanh, xuất nhập khẩu báo chí và xuất bản phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát Karaoke, vũ trường), dịch vụ du lịch, quảng cáo;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm về giấy theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu thị trường: xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình, hạng mục công trình trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.



TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Cấu trúc Bưu điện Việt Nam

Bưu điện Việt Nam bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tem Bưu chính	Số 14 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh tem, các dịch vụ tư vấn, thiết kế các sản phẩm văn hóa phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Tem Bưu điện	Số 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	Dịch vụ in ấn	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	Số 26 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội		90,22%	90,22%	90,22%	90,22%
Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện	Số 1 Tân Xuân, Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội	Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế; dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa kho vận	84,14%	84,14%	84,14%	84,14%
Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng cáo Bưu chính	Số 5, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Dịch vụ ấn phẩm không ghi địa chỉ; tư vấn nghiệp vụ marketing và thiết kế sản phẩm	54,44%	54,44%	54,44%	54,44%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	22,67%	36,16%	22,67%	36,16%
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh DHL-VNPT	Số 4, đường Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ chuyển phát nhanh	49%	49%	49%	49%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Bưu điện Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Bưu điện Việt Nam áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định cụ thể áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) ban hành kèm theo Quyết định số 323/QĐ-BĐVN-HĐTV ngày 29/12/2015 của Hội đồng Thành viên được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 18416/BTC-CĐKT ngày 10/12/2015 về việc chấp thuận chế độ kế toán.

Việc lập báo cáo tài chính năm 2016 còn thực hiện theo văn bản số 5488/BĐVN-TCKT-KHĐT-TCLĐ-DVBC-DVTCBC-PTT-TTDS v/v hướng dẫn lập Báo cáo quyết toán năm 2016 ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Bưu điện Việt Nam được lập tuân thủ đúng mọi quy định của Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Cụ thể, công tác kế toán tại Bưu điện Việt Nam bao gồm việc ghi chép, phản ánh các giao dịch, sự kiện kinh tế phát sinh, ghi nhận và xác định giá trị các đối tượng kế toán đã vận dụng đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo các Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002, quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003, quyết định số: 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005, quyết định số: 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 và các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Bưu điện Việt Nam thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Bưu điện Việt Nam, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Bưu điện Việt Nam và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và nợ phải thu: tỷ giá được áp dụng khi đánh giá lại là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2016.
- Đối với các khoản nợ phải trả: tỷ giá được áp dụng khi đánh giá lại là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2016.
- Đối với dòng tiền Western Union: tỷ giá áp dụng để thực hiện đánh giá lại công nợ phải thu, phải trả là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc theo thực tế phát sinh.
- Vàng tiền tệ là vàng được lưu trữ với mục đích cất trữ giá trị, không bao gồm vàng với vai trò là nguyên liệu cho sản xuất, hoặc vàng cho mục đích kinh doanh vàng.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Bưu điện Việt Nam có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Bưu điện Việt Nam nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Bưu điện Việt Nam có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Bưu điện Việt Nam trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Bưu điện Việt Nam có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Bưu điện Việt Nam. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Bưu điện Việt Nam thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Bưu điện Việt Nam khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Bưu điện Việt Nam không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Bưu điện Việt Nam so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Bưu điện Việt Nam và người mua là đơn vị độc lập với Bưu điện Việt Nam.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng xuất và giá trị hàng tồn của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí được vốn hoá vào chi phí trả trước để phân bổ dần hàng kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ sản xuất, chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí sửa chữa tài sản phát sinh lớn trong điều kiện doanh nghiệp không có lãi, các chi phí hoạt động gắn với hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ thực hiện thống nhất theo chính sách của Bưu điện Việt Nam.

- Phương pháp phân bổ theo đường thẳng hoặc theo tỷ lệ dựa trên doanh thu, kết quả kinh doanh.
- Thời gian phân bổ của các khoản chi phí trả trước được xác định trên cơ sở ảnh hưởng của nó đối với lợi ích kinh tế tạo ra trong các kỳ kế toán tiếp theo và tình hình kết quả kinh doanh từng thời kỳ nhưng không vượt quá thời gian quy định của Nhà Nước.

Thời gian phân bổ tối đa Bưu điện Việt Nam áp dụng theo quy định hiện hành đối với một số khoản chi phí trả trước như sau:

- Phân bổ không quá 3 năm đối với Công cụ, dụng cụ;
- Phân bổ không quá 3 năm đối với chi sửa chữa tài sản có giá trị lớn;
- Phân bổ theo giá trị hợp đồng bảo hiểm đối với các khoản bảo hiểm tài sản;
- Phân bổ theo số năm mà khoản chi phí phát huy ích lợi đối với các hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan nhiều kỳ kế toán.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Bưu điện Việt Nam phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 - 06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Bưu điện Việt Nam phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Bưu điện Việt Nam bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Bưu điện Việt Nam đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Bưu điện Việt Nam đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 đến 8 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua của nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua nhãn hiệu. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sáng chế

Nguyên giá của quyền sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Quyền sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Bưu điện Việt Nam phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	08
Nhà	25-50
Cơ sở hạ tầng	10

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Bưu điện Việt Nam) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Bưu điện Việt Nam phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Bưu điện Việt Nam không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Bưu điện Việt Nam có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Bưu điện Việt Nam trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Bưu điện Việt Nam trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

Nợ phải trả phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua, như mua hàng hóa chưa trả tiền, sử dụng dịch vụ chưa thanh toán, vay nợ, cam kết bảo hành hàng hóa cam kết nghĩa vụ hợp đồng, phải trả nhân viên, thuế phải nộp, phải trả khác.

Việc phân loại, ghi nhận các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại theo tuổi nợ theo kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng và từng loại nguyên tệ.

Cuối năm tài chính các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại. Việc ghi nhận các giao dịch phát sinh, thanh toán nợ và đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ thực hiện theo quy định của chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam về xử lý các giao dịch bằng ngoại tệ.

Trường hợp thực hiện đánh giá hoặc ước tính kế toán liên quan đến nợ phải trả, việc ước tính phải đảm bảo nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, phải thực hiện xác định các khoản nợ tiềm tàng xuất phát từ sự kiện đã xảy ra, xác định các các nghĩa vụ thanh toán trong tương lai từ một kế hoạch, phương án, hợp đồng rủi ro có thể dẫn đến những đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh làm cơ sở để lập dự phòng phải trả theo quy định.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của đại diện chủ sở hữu Nhà nước là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Bưu điện Việt Nam. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Bưu điện Việt Nam được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Bưu điện Việt Nam được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bưu điện Việt Nam đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Bưu điện Việt Nam đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Bưu điện Việt Nam đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Bưu điện Việt Nam đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Bưu điện Việt Nam đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; các khoản thu khác.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Bưu điện Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Bưu điện Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Bưu điện Việt Nam gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Bưu điện Việt Nam gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Bưu điện Việt Nam:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.153.721.338.778	782.086.129.119
Tiền gửi ngân hàng	8.652.568.754.702	4.333.813.775.725
Tiền đang chuyển	456.862.049.863	364.390.668.700
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	595.704.377.678	433.290.786.113
Cộng	<u>10.858.856.521.021</u>	<u>5.913.581.359.657</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Bưu điện Việt Nam bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Bưu điện Việt Nam như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3.337.758.644.746</i>	<i>3.337.758.644.746</i>	<i>1.712.233.838.893</i>	<i>1.712.233.838.893</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.337.758.644.746	3.337.758.644.746	1.712.233.838.893	1.712.233.838.893
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.983.170.000.000</i>	<i>1.983.170.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.983.170.000.000	1.983.170.000.000
Cộng	<u>3.337.758.644.746</u>	<u>3.337.758.644.746</u>	<u>3.695.403.838.893</u>	<u>3.695.403.838.893</u>

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	196.882.000.000	222.105.500.363	418.987.500.363	196.882.000.000	220.797.127.799	417.679.127.799
Công ty TNHH DHL-VNPT	44.644.443.410	30.823.508.800	75.467.952.210	44.644.443.410	20.657.983.990	65.302.427.400
Cộng	<u>241.526.443.410</u>	<u>252.929.009.163</u>	<u>494.455.452.573</u>	<u>241.526.443.410</u>	<u>241.455.111.789</u>	<u>482.981.555.199</u>

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Bưu điện Việt Nam tại các công ty liên kết như sau:

	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Công ty TNHH Chuyên phát nhanh DHL-VNPT	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	417.679.127.799	65.302.427.400	482.981.555.199
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	24.551.477.572	10.165.524.810	34.717.002.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	(23.692.792.400)		(23.692.792.400)
Tăng khác	449.687.392		449.687.392
Giá trị phần sở hữu cuối năm	418.987.500.363	75.467.952.210	494.455.452.573

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Bưu điện Việt Nam với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Chuyên phát nhanh DHL-VNPT	76.426.494.185	55.447.907.404
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện</i>		
Nhận cổ tức	23.692.792.400	18.225.098.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	810.000.000.000		810.000.000.000	
Các đơn vị khác	2.407.121.071		3.907.121.071	
Cộng	812.407.121.071		813.907.121.071	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Bưu điện Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	89.648.586.580	65.385.940.253
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	18.465.364.405	17.014.000
Công ty TNHH DHL-VNPT	71.183.222.175	65.368.926.253
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	660.415.722.816	496.525.285.373
Các khách hàng khác	660.415.722.816	496.525.285.373
Cộng	750.064.309.396	561.911.225.626

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	18.132.307.579	42.873.051.611
Các khách hàng khác	18.132.307.579	42.873.051.611
Cộng	18.132.307.579	42.873.051.611

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	3.240.000	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	3.240.000	
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	55.092.351.233	54.336.666.997
Các nhà cung cấp khác	55.092.351.233	54.336.666.997
Cộng	55.095.591.233	54.336.666.997

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	5.707.237.807	3.048.214.998
Các nhà cung cấp khác	5.707.237.807	3.048.214.998
Cộng	5.707.237.807	3.048.214.998

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	942.716.973			
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	942.716.973			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	458.559.468.135	(6.746.071.562)	327.447.750.581	
Cổ tức và lợi nhuận được chia	36.001.019.840			
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	15.461.501.099	(126.963.000)	15.064.774.007	
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.200.053.568		2.241.471.541	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	110.195.668.910		76.597.771.921	
Phải thu các Viễn thông tính thuộc Tập đoàn Viễn thông Việt Nam (VNPT)	14.686.526.079		15.974.060.233	
Phải thu cước thanh toán quốc tế	59.499.826.372			
Phải thu về Ngân vụ trong nước tại các Bưu điện tỉnh			81.087.488.700	
Phải thu về BHXH, BHYT, KPCĐ	1.439.496.869		1.702.700.168	
Phải thu về chi trả hộ BHXH	11.135.897.253		10.614.998.479	

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khoản thu hộ chi hộ	49.777.641.428		1.767.524.415	
Các khoản đã chi nhưng không được phê duyệt hoặc thiếu chứng từ và các khoản nợ phải thu đã quá hạn và thanh toán khác			4.033.751.384	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	154.161.836.717	(6.619.108.562)	118.363.209.733	
Cộng	459.502.185.108	(6.746.071.562)	327.447.750.581	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		54.413.007.711	5.114.230.651	54.931.622.220	4.300.192.143	
Phải thu về tiền bán hàng và các khoản phải thu khác ngắn hạn	Từ 6 tháng đến dưới 01 năm	1.571.559.663	1.100.091.764	Từ 6 tháng đến dưới 01 năm	1.031.933.773	722.353.641
Phải thu về tiền bán hàng và các khoản phải thu khác ngắn hạn	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	2.826.496.940	765.940.091	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	834.920.014	417.460.007
Phải thu về tiền bán hàng và các khoản phải thu khác ngắn hạn	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.148.639.677	129.161.319	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.726.529.416	517.958.825
Phải thu về tiền bán hàng và các khoản phải thu khác ngắn hạn	Từ 03 năm trở lên	48.866.311.431	3.119.037.477	Từ 03 năm trở lên	49.207.246.220	2.642.419.670
Phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi					2.130.992.798	
Cộng		54.413.007.711	5.114.230.651	54.931.622.220	4.300.192.143	

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	38.004.388		147.273.911	
Nguyên liệu, vật liệu	33.753.582.863	(371.213.488)	26.513.726.178	(314.217.046)
Công cụ, dụng cụ	6.469.267.565	(7.036.647)	5.589.178.531	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	999.480.628		1.161.894.281	
Thành phẩm	6.459.413.408		5.853.142.992	
Hàng hóa	116.795.800.398	(795.879.007)	90.384.983.253	(1.162.135.301)
Hàng gửi đi bán	6.529.072.511		3.579.354.231	
Cộng	171.044.621.761	(1.174.129.142)	133.229.553.377	(1.476.352.347)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	6.990.033.865	2.774.752.280
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.898.681.805	1.563.313.091
Chi phí mua bảo hiểm	1.039.555.322	32.625.758
Chi phí sửa chữa tài sản	62.119.304	1.122.880.860
Chi phí in ấn Bưu điện tỉnh	5.923.554.310	5.192.279.720
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.624.729.594	10.033.342.574
Cộng	26.538.674.200	20.719.194.283

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	404.181.576	1.828.607.400
Chi phí thuê đất tại huyện Đông Anh	1.167.623.500	2.152.786.000
Chi phí mua bảo hiểm	385.313.895	1.225.025.961
Chi phí sửa chữa tài sản	21.970.984.253	4.298.404.092
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	122.742.786.566	102.165.365.905
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định vô hình	68.581.621	71.614.842
Các chi phí trả trước dài hạn khác	159.552.196.134	63.654.984.872
Cộng	306.291.667.545	175.396.789.072

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.662.253.453.676	901.228.366.257	889.338.374.399	217.144.499.137	15.080.281.724	5.685.044.975.193
Mua trong năm		18.894.607.102	49.971.753.342	1.961.025.577		70.827.386.021
Đầu tư XD/CB hoàn thành	157.356.587.886	14.290.431.875	197.125.798.025	3.493.566.680	250.045.455	372.516.429.921
Thanh lý, nhượng bán	(8.431.136.991)	(26.455.141.646)	(48.363.139.191)	(8.108.521.643)	(1.293.475.837)	(92.651.415.308)
Tăng, giảm khác	1.756.833.324	(4.136.620.736)	(616.076.457)	17.898.530	37.217.804	(2.940.747.535)
Số cuối năm	3.812.935.737.895	903.821.642.852	1.087.456.710.118	214.508.468.281	14.074.069.146	6.032.796.628.292
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						5.371.544.263.687
Chờ thanh lý						35.744.265.792
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.251.860.860.806	726.027.326.593	557.240.822.537	182.548.771.002	13.908.791.586	3.731.586.572.524
Khấu hao trong năm	108.930.051.696	43.179.526.748	52.388.790.346	11.316.664.362	351.218.851	216.166.252.003
Thanh lý, nhượng bán	(5.454.826.958)	(26.455.141.646)	(48.128.152.556)	(8.105.116.380)	(1.293.475.837)	(89.436.713.377)
Tăng, giảm khác	6.505.599.623	(6.031.027.932)	(2.740.520.729)	(463.295.228)	32.901.508	(2.696.342.758)
Phân loại lại		14.644.536		(14.644.536)		
Số cuối năm	2.361.841.685.167	736.735.328.299	558.760.939.598	185.282.379.220	12.999.436.108	3.855.619.768.392
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.410.392.592.870	175.201.039.664	332.097.551.862	34.595.728.135	1.171.490.138	1.953.458.402.669
Số cuối năm	1.451.094.052.728	167.086.314.553	528.695.770.520	29.226.089.061	1.074.633.038	2.177.176.859.900
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	215.755.714.103	5.475.903.425	60.270.752.222	703.668.564	6.482.553.415	288.688.591.729
Mua trong năm	879.865.174		5.327.509.090			6.207.374.264
Thanh lý, nhượng bán			(190.344.772)			(190.344.772)
Tăng, giảm khác	9.619.602		(851.818.564)		758.668.564	(83.530.398)
Số cuối năm	216.645.198.879	5.475.903.425	64.556.097.976	703.668.564	7.241.221.979	294.622.090.823
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao còn sử dụng						14.068.725.816
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	23.125.354.411	1.937.563.681	42.434.703.262	703.668.564	3.108.212.011	71.309.501.929
Tăng do khấu hao trong năm	1.791.946.640	1.010.954.112	6.315.367.718		997.619.241	10.115.887.711
Thanh lý, nhượng bán			(190.344.772)			(190.344.772)
Tăng, giảm khác	317.986.622		(1.103.439.532)		744.989.532	(40.463.378)
Số cuối năm	25.235.287.673	2.948.517.793	47.456.286.676	703.668.564	4.850.820.784	81.194.581.490
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	192.630.359.692	3.538.339.744	17.836.048.960		3.374.341.404	217.379.089.800
Số cuối năm	191.409.911.206	2.527.385.632	17.099.811.300		2.390.401.195	213.427.509.333
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng			Cộng
	đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.460.087.861	61.760.949.043	784.877.581	65.005.914.485
Phân loại lại		2.799.517.154		2.799.517.154
Số cuối năm	2.460.087.861	64.560.466.197	784.877.581	67.805.431.639
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê			784.877.581	784.877.581
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		29.911.566.061	784.877.581	30.696.443.642
Khấu hao trong năm		2.627.311.572		2.627.311.572
Phân loại lại		1.145.315.120		1.145.315.120
Số cuối năm		33.684.192.753	784.877.581	34.469.070.334
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.460.087.861	31.849.382.982		34.309.470.843
Số cuối năm	2.460.087.861	30.876.273.444		33.336.361.305

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	166.291.302.452	91.209.340.653
Thuê lại đất để đầu tư Xây dựng Trung tâm khai thác vận chuyển, kho hàng và Logistic khu vực phía Nam Thành phố Hồ Chí Minh		89.936.848.653
Nâng cấp, mở rộng hệ thống phần mềm BCCP, phần mềm Quản lý khách hàng tập trung và Xây dựng công cụ báo cáo động	10.065.420.454	
Hiện đại hóa Hệ thống Công nghệ thông tin Bưu chính Việt Nam giai đoạn 1- MPits	153.030.762.636	934.841.000
Các công trình khác	3.195.119.362	337.651.000
Xây dựng cơ bản dở dang	190.084.536.104	88.334.689.562
Trung tâm khai thác chia chọn nút mạng Bưu điện tỉnh Cần Thơ		52.294.657.044
Khu công nghệ cao, trung tâm điều hành và Văn phòng Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	5.462.417.275	6.220.152.667
Trung tâm điều hành khai thác dịch vụ chuyển phát nhanh tại huyện Đông Anh	4.702.053.840	4.702.053.840
Công trình cải tạo, sửa chữa toà nhà chính Bưu điện Trung tâm Sài Gòn	2.928.478.831	2.928.478.831
Nhà sản xuất kinh doanh Bưu điện tỉnh Bến Tre	27.018.043.059	3.125.462.433
Xây dựng Trung tâm khai thác vận chuyển Bắc miền Trung	17.847.444.545	
Cải tạo, sửa chữa toà nhà điều hành số 05 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	14.378.260.763	911.985.009
Chi phí mua quyền sử dụng đất		880.076.450
Xây dựng Trung tâm khai thác vận chuyển khu vực Đông Bắc Bộ	55.244.181.818	

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Cải tạo nâng cấp Bưu cục Sân bay Nội Bài - Bưu điện Thành phố Hà Nội	12.446.698.232	210.783.506
Nhà làm việc Bưu điện tỉnh Hậu Giang		7.395.404.955
Trang thiết bị nội thất hội trường Bưu điện Thành phố Đà Nẵng		1.140.451.273
Các công trình khác	50.056.957.741	8.525.183.554
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.244.376.004	1.181.452.755
Cộng	357.620.214.560	180.725.482.970

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.692.096.225	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	427.349.551	
Công ty TNHH DHL - VNPT	3.264.746.674	
Phải trả các nhà cung cấp khác	902.141.321.899	482.843.238.530
Các nhà cung cấp khác	902.141.321.899	482.843.238.530
Cộng	905.833.418.124	482.843.238.530

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các nhà cung cấp khác	89.172.987.027	242.937.383.638
Các nhà cung cấp khác	89.172.987.027	242.937.383.638
Cộng	89.172.987.027	242.937.383.638

Bưu điện Việt Nam không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan		161.595.677
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		161.595.677
Trả trước của các khách hàng khác	194.543.591.141	65.842.126.405
Trung tâm Công nghệ thông tin - Bảo hiểm xã hội Việt Nam	82.182.522.585	
Quỹ dịch vụ viễn thông Công ích	7.985.700.255	
Các khách hàng khác	104.375.368.301	65.842.126.405
Cộng	194.543.591.141	66.003.722.082

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.705.818.262	10.682.897.342	389.028.955.085	(403.594.011.847)	(5.410.248)	16.403.621.679	15.951.167.769
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	182.931.262	(182.931.262)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	226.013.573	(226.013.573)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.359.086.370	8.240.047.866	8.069.427.726	(9.428.485.797)	-	1.668.269.715	8.908.289.282
Thuế thu nhập cá nhân	2.372.674.025	563.292.303	15.627.679.579	(14.408.458.308)	(29.162.569)	3.911.025.091	911.584.667
Thuế tài nguyên	-	-	1.892.700	(1.892.700)	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.822.279.265	755.781.473	100.892.367.145	(103.109.637.521)	-	12.014.144.644	1.164.917.228
Các loại thuế khác	312.838.833	13.000.000	4.568.728.049	(4.833.158.030)	(1.037.620)	176.960.716	142.589.484
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	612.300.895	(610.921.146)	-	1.379.749	-
Cộng	44.572.696.755	20.255.018.984	519.210.296.014	(536.395.510.184)	(35.610.437)	34.175.401.594	27.078.548.430

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Bưu điện Việt Nam nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bưu chính công ích, phát hành báo chí và các dịch vụ công ích khác	Không chịu thuế
Phát hành tạp chí, ấn phẩm sách có thuế	5%
Các dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, dịch vụ thanh toán, dịch vụ chuyển tiền; đại lý sim, thẻ viễn thông và các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Bưu điện Việt Nam kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Bưu điện Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Bưu điện Việt Nam được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Bưu điện Việt Nam kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	239.061.179.126	92.089.291.842
Chi phí lãi vay phải trả	9.633.457	33.013.667
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		139.247.616
Chi phí phải trả khác	239.051.545.669	91.917.030.559
- Công phát EMS quốc tế	17.987.245.643	14.341.869.616
- Chi phí vận chuyển quốc tế	6.770.127.380	10.958.441.621
- Chi phí vận chuyển hàng không nội địa	5.039.678.584	7.847.079.899
- Chi phí thuê đất, tiền thuê đất	4.938.497.174	5.211.638.398
- Chi phí chăm sóc khách hàng lớn	11.352.977.873	4.756.475.974
- Chi phí khánh tiết, giao dịch		1.503.528.457
- Chi phí kiểm toán	6.752.726.117	6.614.831.147
- Chi phí thanh toán quốc tế dịch vụ BPBK năm 2016	122.428.966.147	
- Chi phí ấn phẩm phải trả		
- Chi phí phải trả khác	63.781.326.751	40.683.165.447
Cộng	<u>239.061.179.126</u>	<u>92.089.291.842</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	19.177.769.985	26.204.924.943
Doanh thu cho thuê tài sản	456.250.000	456.250.000
Doanh thu cho thuê địa điểm, mặt bằng	18.216.794.599	25.192.221.728
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	504.725.386	556.453.215
Cộng	<u>19.177.769.985</u>	<u>26.204.924.943</u>

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.264.640.780	
Doanh thu cho thuê địa điểm, mặt bằng	1.194.640.780	
Các khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	70.000.000	
Cộng	<u>1.264.640.780</u>	

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		30.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		30.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	9.141.672.726.826	4.332.321.955.520
Tài sản thừa chờ giải quyết	507.196.913	579.587.686
Kinh phí công đoàn	12.938.771.959	11.117.857.732
BHXH, BHYT và BHTN	4.079.098.624	946.640.309
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	58.862.825.915	36.765.858.506
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.065.284.833.415	4.282.912.011.287
<i>Trả lương hưu hộ BHXH</i>	7.993.788.467.033	3.532.953.009.096
<i>Phải về Ngân hàng Bưu điện Liên Việt</i>	87.714.491.436	113.476.268.219
<i>Phải trả về chuyển tiền Bưu điện</i>	94.932.649.720	68.247.805.841
<i>Phải trả về hoạt động thu hộ, chi hộ</i>	626.477.987.757	291.890.705.257
<i>Phải trả về chuyển tiền quốc tế</i>	9.775.106.229	94.404.910.776
<i>Phải trả về doanh thu dịch vụ COD và lệ phí xét tuyển</i>	5.783.630.109	21.034.618.032
<i>Phải trả về cước thu hộ bưu chính nước ngoài chuyển trả</i>	10.205.134	13.342.034.806
<i>Phải trả cho công ty UPS SCS (Singapore) PTE</i>	3.917.552.368	3.883.911.623
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	1.750.228.975	-
<i>Quỹ chính sách xã hội và quỹ hỗ trợ khuyến khích</i>	2.289.987.702	1.692.269.620
<i>Phải trả, phải nộp các khoản khác</i>	238.844.526.952	141.986.478.017
Cộng	<u>9.141.672.726.826</u>	<u>4.332.351.955.520</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Bưu điện Việt Nam không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.326.055.000</i>	<i>780.000.000</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân	826.055.000	780.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	490.000.000	490.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	250.000.000	250.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	86.055.000	40.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	4.500.000.000	
Cộng	<u>5.326.055.000</u>	<u>780.000.000</u>

Bưu điện Việt Nam có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân	780.000.000	113.000.000		(66.945.000)	826.055.000
Vay dài hạn đến hạn trả			4.500.000.000		4.500.000.000
Cộng	<u>780.000.000</u>	<u>113.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>	<u>(66.945.000)</u>	<u>5.326.055.000</u>

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.750.000.000</i>	
Vay dài hạn ngân hàng	3.750.000.000	
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.750.000.000	
Cộng	<u>3.750.000.000</u>	

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để thanh toán tiền thuê đất truy thu theo thông báo số 12653/TB_CCT_TBTK ngày 04/10/2016 của chi cục thuế quận 10 truy thu tiền thuê đất từ năm 1995 đến 2015 với số tiền 9.624.351.210 VND với lãi suất 8,33%, thời hạn vay 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 28 tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

Bưu điện Việt Nam có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.500.000.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	3.750.000.000	
Trên 5 năm		
Cộng	<u>8.250.000.000</u>	

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam như sau:

Số đầu năm	
Số tiền vay phát sinh	9.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(750.000.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	<u>(4.500.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>3.750.000.000</u>

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Bưu điện Việt Nam không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số đầu năm trước	8.122.000.000.000	7.180.653.998	570.400.000	(55.847.417)	75.280.908.336	10.296.884.796	65.964.940.165	118.150.720	8.281.356.090.598
Tổng lợi nhuận của Tổng Công ty và các Công ty con							157.705.535.987		157.705.535.987
Điều chỉnh do khoản hoàn nhập dự phòng của Tổng Công ty đối với khoản đầu tư của Công ty con							(40.149.955.155)		(40.149.955.155)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước					2.798.433.772		(127.072.770.316)		(124.274.336.544)
Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát							(13.066.821)		(13.066.821)
Tách lợi ích tại Công ty liên kết		165.887.906.098			(2.214.379.380)	(2.064.814.878)	22.057.672.027		183.666.383.867
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con					3.759.082.408				3.759.082.408
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá cuối năm trước vào chi phí trong năm trước				55.847.417					55.847.417
Giảm khác trong năm trước							(706.942.989)		(706.942.989)
Số dư cuối năm trước	8.122.000.000.000	173.068.560.096	570.400.000		79.624.045.136	8.232.069.918	77.785.412.898	118.150.720	8.461.398.638.768

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số đầu năm nay	8.122.000.000.000	173.068.560.096	570.400.000	-	79.624.045.136	8.232.069.918	77.785.412.898	118.150.720	8.461.398.638.768
Tổng lợi nhuận của Tổng Công ty và các Công ty con							165.675.958.167		165.675.958.167
Điều chỉnh do khoản hoàn nhập dự phòng của Tổng Công ty đối với khoản đầu tư của Công ty con							5.174.514		5.174.514
Phân phối lợi nhuận trong năm					1.646.605.304		(150.555.206.469)		(148.908.601.165)
Tăng khác				52.273.165					52.273.165
Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát					(261.246.670)		299.306.760		38.060.090
Tách lợi ích tại Công ty liên kết					363.890.149	1.185.186.093	9.924.821.132		11.473.897.374
Chia cổ tức trong năm							(11.455.711.955)		(11.455.711.955)
Giảm khác				(52.273.165)			(991.307.369)		(1.043.580.534)
Số cuối năm nay	<u>8.122.000.000.000</u>	<u>173.068.560.096</u>	<u>570.400.000</u>		<u>81.373.293.919</u>	<u>9.417.256.011</u>	<u>90.688.447.678</u>	<u>118.150.720</u>	<u>8.477.236.108.424</u>

VIỆT HHH

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

M.S.C.N

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	46.930.152.212	60.436.063.136
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5.096.204.955	8.105.091.964
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(5.134.265.045)	(2.254.773.994)
Giảm do thoái vốn tại công ty con		(2.500.000.000)
Giảm do điều chỉnh phần phân phối lợi nhuận thuộc lợi ích cổ đông không kiểm soát		(4.941.331.717)
Điều chỉnh giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con - phần vốn		(7.280.491.167)
Điều chỉnh giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con - phần quỹ đầu tư phát triển		(4.425.520.098)
Giảm khác		(208.885.912)
Số cuối năm	<u>46.892.092.122</u>	<u>46.930.152.212</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.283.310.833.486	2.012.691.401.721
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.746.004.540.895	6.337.767.120.986
Cộng	<u>12.029.315.374.381</u>	<u>8.350.458.522.707</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Bưu điện Việt Nam không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	25.260.304.319	6.703.981.451
Hàng bán bị trả lại	36.553.760.334	19.909.181.281
Giảm giá hàng bán	9.048.289.597	10.726.000
Cộng	<u>70.862.354.250</u>	<u>26.623.888.732</u>

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	5.169.085.259.661	1.895.630.342.414
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.566.059.899.475	5.462.949.609.922
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	513.279.067	831.117.545
Cộng	<u>10.735.658.438.203</u>	<u>7.359.411.069.881</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	259.521.143.450	272.588.307.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	96.159.257.240	37.292.465.315
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.138.236.005	18.978.184.222
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.508.600.385	4.563.010.853
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	4.336.950.000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	771.182.011	414.917.310
Cộng	<u>383.435.369.091</u>	<u>333.836.885.349</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	214.375.311	243.156.687
Chiết khấu thanh toán cho người mua	13.429.546	84.150.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.672.087.386	4.299.503.195
Chi phí tài chính khác	5.359.048	65.482.764
Cộng	<u>3.905.251.291</u>	<u>4.692.292.646</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.926.649.131	3.952.391.492
Chi phí vật liệu, bao bì	260.942.753	1.900.081.487
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	177.304.321	35.062.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.489.752	330.494.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.532.363.511	24.945.172.306
Các chi phí bằng tiền khác	60.245.051.428	71.736.346.157
Cộng	<u>70.463.800.896</u>	<u>102.899.548.561</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	740.054.901.449	620.781.951.558
Chi phí vật liệu quản lý	44.421.854.436	56.927.750.393
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.728.307.498	403.733.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.362.830.628	61.315.775.627
Thuế, phí và lệ phí	54.167.821.605	42.337.773.480
Chi phí dự phòng	1.134.194.178	-850.083.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.984.931.298	135.588.779.432
Các chi phí khác	266.349.139.038	227.826.253.374
Cộng	<u>1.383.203.980.130</u>	<u>1.144.331.934.426</u>

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và công cụ dụng cụ	8.130.921.514	63.039.836.797
Tiền điện nước tại địa điểm cho thuê	1.207.394.704	1.284.680.265
Thu nhập từ tiền đền bù Giải phóng mặt bằng		4.050.675.912
Thu nhập từ quà tặng của Bưu chính Nhật Bản		1.104.556.352
Các khoản thu nhập khác	<u>11.385.329.158</u>	<u>14.777.523.612</u>
Cộng	<u>20.723.645.376</u>	<u>84.257.272.938</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	55.478.166	-
Chi phí bồi thường tiền hàng	-	1.077.117.051
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	72.288.643
Chi phí tiền điện	855.769.393	-
Chi phí tiêu hủy hàng tồn kho	-	21.144.536
Các khoản chi phí khác	<u>4.146.376.142</u>	<u>3.404.445.618</u>
Cộng	<u>5.057.623.701</u>	<u>4.574.995.848</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	731.073.216.047	505.727.253.427
Chi phí nhân công	3.009.758.187.143	2.501.685.559.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.909.451.286	203.887.369.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.307.978.884.935	2.542.271.706.861
Chi phí khác	<u>899.715.711.120</u>	<u>783.146.125.295</u>
Cộng	<u>8.177.435.450.531</u>	<u>6.536.718.015.103</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Bưu điện Việt Nam bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Bưu điện Việt Nam không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Bưu điện Việt Nam không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập	5.409.944.337	4.261.950.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Bưu điện Việt Nam gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Công ty liên kết
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh DHL-VNPT	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Bưu điện Việt Nam không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.13a, V.14a và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Số liệu so sánh

Bưu điện Việt Nam thực hiện phân loại công nợ ngắn hạn và dài hạn của các khoản mục công nợ phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán và phải trả người bán tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2016. Ảnh hưởng của việc phân loại lại này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	604.784.277.237	(42.873.051.611)	561.911.225.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	57.384.881.995	(3.048.214.998)	54.336.666.997
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		42.873.051.611	42.873.051.611
Trả trước cho người bán dài hạn	212		3.048.214.998	3.048.214.998
Phải trả người bán ngắn hạn	311	725.532.608.718	(242.689.370.188)	482.843.238.530
Phải trả người bán dài hạn	331	248.013.450	242.689.370.188	242.937.383.638

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Bưu điện Việt Nam phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Bưu điện Việt Nam.

Bưu điện Việt Nam có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Bưu điện Việt Nam giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Bưu điện liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Bưu điện Việt Nam được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.858.856.521.021		10.858.856.521.021
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.337.758.644.746		3.337.758.644.746
Phải thu khách hàng	720.529.680.826	47.666.936.149	768.196.616.975
Các khoản phải thu khác	439.951.115.891	6.746.071.562	446.697.187.453
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	812.407.121.071		812.407.121.071
Cộng	16.169.503.083.555	54.413.007.711	16.223.916.091.266
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.913.581.359.657		5.913.581.359.657
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.695.403.838.893		3.695.403.838.893
Phải thu khách hàng	506.979.603.406	54.931.622.220	561.911.225.626
Các khoản phải thu khác	317.388.981.790		317.388.981.790
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	813.907.121.071		813.907.121.071
Cộng	11.247.260.904.817	54.931.622.220	11.302.192.527.037

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Buu điện Việt Nam gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Buu điện Việt Nam chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Buu điện Việt Nam quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	5.326.055.000	3.750.000.000		9.076.055.000
Phải trả người bán	905.833.418.124	89.172.987.027		995.006.405.151
Các khoản phải trả khác	9.381.999.707.630	22.472.901.515		9.404.472.609.145
Cộng	10.293.159.180.754	115.395.888.542		10.408.555.069.296
Số đầu năm				
Vay và nợ	780.000.000			780.000.000
Phải trả người bán	482.843.238.530	242.937.383.638		725.780.622.168
Các khoản phải trả khác	4.424.441.247.362	23.248.995.377		4.447.690.242.739
Cộng	4.908.064.485.892	266.186.379.015		5.174.250.864.907

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Buu điện Việt Nam có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Buu điện Việt Nam gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Buu điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bưu điện Việt Nam quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Bưu điện Việt Nam là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Bưu điện Việt Nam chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Bưu điện Việt Nam quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Bưu điện Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	595.704.377.678	433.290.786.113
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.337.758.644.746	3.695.403.838.893
Vay và nợ	<u>(9.076.055.000)</u>	<u>(780.000.000)</u>
Tài sản thuần	<u>3.924.386.967.424</u>	<u>4.127.914.625.006</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Bưu điện Việt Nam sẽ tăng/giảm 78.487.739.348 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 82.558.292.500 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Bưu điện Việt Nam nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Bưu điện Việt Nam quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Bưu điện Việt Nam là không đáng kể.

3d. Tài sản đảm bảo

Bưu điện Việt Nam không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.858.856.521.021	-	5.913.581.359.657	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.337.758.644.746	-	3.695.403.838.893	-
Phải thu khách hàng	768.196.616.975	(42.552.705.498)	604.784.277.237	(50.631.430.077)
Các khoản phải thu khác	446.697.187.453	(6.746.071.562)	317.388.981.790	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	812.407.121.071	-	813.907.121.071	-
Cộng	16.223.916.091.266	(49.298.777.060)	11.345.065.578.648	(50.631.430.077)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	9.076.055.000	780.000.000
Phải trả người bán	995.006.405.151	725.780.622.168
Các khoản phải trả khác	9.404.472.609.145	4.447.690.242.739
Cộng	10.408.555.069.296	5.174.250.864.907

Giá trị hợp lý

Bưu điện Việt Nam chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thừa ủy quyền Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hà

Tạ Thị Mai Anh

Nguyễn Minh Đức